

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2026/DS-ST

Ngày: 30-6-2026

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đình Bảy và bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Thư ký Phiên tòa: Bà Vũ Thị Th Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia Phiên tòa:
Bà Trần Thị Th Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng mở Phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1006/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn Phiên tòa số 1026/2026/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Đoàn Thị A, sinh năm 1949, CCCD số 049149004355; địa chỉ: thôn Danh Sơn, xã Đức Phú, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1986, CCCD số 049086014465; địa chỉ: thôn Danh Sơn, xã Đức Phú, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976, CCCD số 049076017745 và bà Lữ Thị Lâm Q, sinh năm 1984, CCCD số 049184005651; cùng địa chỉ: thôn Khương Mỹ, xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn Phú Sơn 1, xã Hòa Tiến, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2. Ông Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Khương Mỹ, xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

3. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn Khương Mỹ, xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Năm 2025, mẹ tôi - bà Đoàn Thị A nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Nghi thửa đất số 1076, tờ bản đồ 13, diện tích 167,7m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 729597 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 21/6/2021 cho ông Nguyễn Văn Th. Sau khi nhận chuyển nhượng mẹ tôi đã nhờ cán bộ chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cắm mốc thửa đất để làm nhà. Tuy nhiên, khi làm nhà thì ông Nguyễn Văn C cản trở, nhấn C hăm dọa không cho công nhân thi công.

Do vậy, mẹ tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng giải quyết: buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lữ Thị Lâm Q chấm dứt hành vi cản trở diện tích 13,1m² và trả lại diện tích 13,1m² thuộc thửa đất số 1076, tờ bản đồ 13 tại xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng.

Tại Phiên tòa, tôi chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại diện tích đất 13,1m², rút lại yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lữ Thị Lâm Q chấm dứt hành vi cản trở diện tích 13,1m² vì ông C, bà Q không còn có hành vi ngăn cản mẹ tôi làm nhà.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà A về buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lữ Thị Lâm Q chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và trả lại diện tích 13,1m² thuộc thửa đất số 1076, tờ bản đồ 13 tại xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà A vì diện tích đất tranh chấp 13,1m² thuộc quyền sử dụng đất của vợ chồng ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông không có hành vi cản trở quyền cản trở việc thi công nhà của bà A. Trước khi tách thửa thì ba thửa đất 1075, 1076 và 1077 là thửa đất số 795, tờ bản đồ số 1 đứng tên hộ bà Lê Thị Hạnh là mẹ ông C. Sau đó, thửa đất được để thừa kế lại cho bà Lê Thị Hạnh, bà Hạnh tặng cho ông Nguyễn Văn Th, ông Th đã tách thửa và tặng cho lại cho anh chị em, trong đó ông C nhận là thửa 1077. Trước khi tách thửa thì ông Th đã nhờ cán bộ địa chính cắm mốc các thửa đất. Việc bà A làm nhà là không đúng mốc giới gia đình đã cắm trước đây và lấn sang phần đất của ông C. Hơn nữa, khi bà A làm nhà đã chặt phá cây mít nằm trong phần diện tích đất của ông C nên ông C có ý kiến, bà A đã trả lại cây mít này, hiện gốc mít vẫn còn.

- Bị đơn bà Lữ Thị Lâm Q trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn C

- Người làm chứng ông Nguyễn Văn Th trình bày: Tôi có bán thửa đất 1075, tờ bản đồ số 13 thôn Khương Mỹ, xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam cho một người, hiện không nhớ tên. Khi bán đất có địa chính xã là ông Ba tới đo cùng tôi và người mua đất, người mua đất đóng trụ bê tông và giăng dây thép gai để phân lô đất của mình lại đúng theo sổ đỏ. Một thời gian sau người này bán lại đất cho

bà Đoàn Thị A làm nhà. Khi bà A làm nhà thì làm lệch đi với cây trụ ranh giới mà người đã bán cho bà A trồng trước đây, xâm phạm đến khu đất của Nguyễn Văn C.

- Người làm chứng ông Huỳnh Văn P trình bày: Tôi nhận chuyển nhượng thửa đất tiếp giáp với thửa đất của ông C từ năm 2017. Khi nhận chuyển nhượng thì đã có nhà, tôi sử dụng nhà cho đến nay, không có sửa chữa, coi nói gì. Tôi được biết thửa đất của ông C cũng không có thay đổi gì từ trước cho đến nay.

- Người làm chứng ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Nguyên thửa đất 1075, 1076 và 1077, tờ bản đồ số 13 là của gia đình tôi, mẹ tôi tặng cho anh Nguyễn Văn Th, anh Th tách làm ba thửa, tặng cho lại cho tôi thửa 1075, chuyển nhượng thửa 1076, tặng cho thửa 1077 cho Nguyễn Văn C. Khi anh Th chuyển nhượng thì người mua và anh Th đã tiến hành đo đạc cắm mốc giao thửa đất. Tuy nhiên, sau khi bà A nhận chuyển nhượng lại thì sử dụng không đúng mốc giới mà người mua trước đã cắm, lấn sang phần đất của Nguyễn Văn C.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến tại Phiên tòa là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn đề nghị rút yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này. Đối với tranh chấp quyền sử dụng đất, đề nghị chấp nhận Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lữ Thị Lâm Quy trả lại diện tích đất tranh chấp là 13,1m² thuộc thửa 1076, tờ bản đồ số 13 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 729597.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại Phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quyền sử dụng đất nguyên đơn có tranh chấp với bị đơn thuộc xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng theo quy định tại khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại Phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút yêu cầu về việc buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất diện tích 13,1m² thuộc thửa 1076, tờ bản đồ số 13 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 729597 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Tại Phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn C từ chối người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 70, Điều 72 chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp phải giải quyết: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*”.

[3] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích 13,1m² thuộc thửa đất số 1076, tờ bản đồ 13 tại xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng.

Xét nguồn gốc thửa đất tranh chấp thì thấy:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất W 460715, do Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành cấp ngày 03/10/2003 cho hộ bà Lê Thị Hạnh thì thửa đất tranh chấp thuộc một phần thửa 795, tờ bản đồ số 1. Ngày 18/3/2021, thửa 795, tờ bản đồ số 1 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 612572, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp cho hộ bà Lê Thị Hạnh là thửa 139, tờ bản đồ số 13. Ngày 06/4/2021 bà Lê Thị Hạnh nhận thừa kế, ngày 08/4/2021 bà Hạnh tặng cho Nguyễn Văn Th. Ngày 08/4/2021, ông Nguyễn Văn Th làm đơn đề nghị tách thửa đất 139 thành 03 thửa 1075, 1076 và 1077 tờ bản đồ số 13.

Xét quá trình sử dụng đất thì thấy: Sau khi tách thành 03 thửa, ông Nguyễn Văn Th tặng cho ông Nguyễn Văn Tr thửa 1075, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Nghi thửa 1076, tặng cho ông Nguyễn Văn C thửa 1077. Hiện nay, các thửa đất 1075 và 1077 chưa sử dụng, thửa 1076 bà Đoàn Thị A nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Nghi, bà A đang sử dụng và xây dựng căn nhà trên đất.

Xét lời trình bày của bị đơn thì thấy: Bị đơn cho rằng trước khi tách thửa 139, tờ bản đồ số 13 thì ông Th đã tiến hành cắm mốc phân chia thửa đất nên nguyên đơn xây dựng nhà không đúng ranh giới thửa đất đã cắm mốc và lấn chiếm diện tích đất của mình nên đã ngăn cản không cho bà A tiếp tục làm nhà và theo kết quả đo đạc là 13,1m².

Đại diện nguyên đơn cho rằng trước khi làm nhà đã nhờ cán bộ chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đo đạc, cắm mốc theo tọa độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 729597 nên phần diện tích đất bị đơn tranh chấp 13,1m² thuộc thửa đất 1076 mà nguyên đơn đã nhận chuyển nhượng. Do đó, nguyên đơn đề nghị bị đơn trả lại diện tích đất 13,1m².

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 1075, 1076, 1077 đang có hiệu lực pháp luật. Bà Đoàn Thị A nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1076 là từ ông Nguyễn Văn Nghi chứ không trực tiếp từ ông Nguyễn Văn Th. Các đương sự đều thừa nhận mốc ông Th giao đất cho ông Nghi là sau khi tách thửa và các bên tự cắm mốc, trồng trụ.

Theo quy định tại Nghị định 43/2014 ngày 15/5/2014, được sửa đổi bổ sung tại khoản 4 điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ “... Văn phòng đăng ký đất đai có chức năng thực hiện đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp được ủy quyền theo quy định; xây dựng, quản lý, cập nhật, đo đạc, chỉnh lý thống nhất hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai; thống

kê, kiểm kê đất đai; cung cấp thông C đất đai theo quy định cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và thực hiện các dịch vụ khác trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ phù hợp với năng lực theo quy định của pháp luật;”...

Như vậy, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai là cơ quan có chức năng đo đạc nên việc cấm mốc của bị đơn không đảm bảo giá trị pháp lý để buộc các bên liên quan phải thi hành.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì căn nhà do nguyên đơn xây dựng thuộc thửa 1076, diện tích đất tranh chấp là 13,1m² thuộc thửa 1076. Trên diện tích đất tranh chấp có 01 gốc cây mít và một phần nhà của nguyên đơn là 1,3m².

Bị đơn cho rằng cây mít là của mình nên diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bị đơn. Tuy nhiên, như phân tích trên, hiện nay giấy chứng nhận của thửa đất 1075, 1076, 1077 đang có hiệu lực pháp luật và việc gia đình bị đơn tự cấm mốc không đảm bảo giá trị pháp lý nên không có cơ sở để cho rằng diện tích đất tranh chấp 13,1m² thuộc thửa đất 1077 của bị đơn mà thuộc thửa đất 1076, tờ bản đồ số 13 của bà Đoàn Thị A.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn C và bà Lữ Thị Lâm Q phải chịu B bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 7.300.000đ (*Bảy triệu ba trăm nghìn đồng*). Bà Đoàn Thị A đã nộp tạm ứng nên ông Nguyễn Văn C và bà Lữ Thị Lâm Q có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị A.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu B bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện “*Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất*” với bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Lữ Thị Lâm Q đối với diện tích đất 13,1m² tại thửa 1076, tờ bản đồ số 13 xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng

Căn cứ: khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 25, 26, 31 Luật Đất đai năm 2024; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH12 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị A về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” với bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Lữ Thị Lâm Q đối với diện tích đất 13,1m² tại thửa 1076, tờ bản đồ số 13 xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lữ Thị Lâm Q trả lại cho bà Đoàn Thị A diện tích đất 13,1m² tại thửa 1076, tờ bản đồ số 13 xã Tam Xuân, thành phố Đà Nẵng. (Có sơ đồ kèm theo)

[2] Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn C và bà Lữ Thị Lâm Q phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 7.300.000đ (*Bảy triệu ba trăm nghìn đồng*).

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lữ Thị Lâm Q có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị A số tiền 7.300.000đ (*Bảy triệu ba trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền người phải thi hành án có nghĩa vụ phải trả cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C và bà Lữ Thị Lâm Q phải chịu là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/6/2026) để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 5-Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Lưu hồ sơ, án văn.



T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Trịnh Thị Thu Diễm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Trịnh Thị Thu Diễm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

Tam Kỳ, ngày 07 tháng 11 năm 2019

Số:...../2019/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông **Đinh Văn Xô.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Việt Chiến**

Ông **Nguyễn Văn Thông**

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 60/2019/TLST-DS ngày 08-5-2019

XÉT THẤY:

Tại Phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:⁽⁴⁾

.....
.....

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾

.....
.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

⁽⁶⁾

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).
- (6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)